TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân quận H, H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh T; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã V, huyện H, tỉnh C; nơi ở hiện nay: Số nhà 210 P, phường Đ 1, quận H, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân B kết hôn vào tháng 12/2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P huyện Đ, tỉnh T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn

ngày càng trở nên trầm trọng, chị L mang theo con bỏ về T sống ly thân anh B từ năm 2012, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Mặc dù đã được gia đình động viên, khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay chị L xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, gia đình không còn khả năng đoàn tụ, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân B.

Về con chung: Chị xác nhận có 01 con là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/10/2007. Hiện tại chị L đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đ, nên chị có nguyện vọng được nuôi con khi ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2019, biên bản hòa giải cũng như lời khai tại phiên tòa, anh Nguyễn Xuân B (bị đơn) trình bày:

Anh công nhận lời khai của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, hình thức kết hôn. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên mới ly hôn với anh, anh đã khuyên bảo chị L, anh bỏ qua và mong vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái, anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận có 01 con là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/10/2007. Hiện tại chị L đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đ. Anh B đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con Nguyễn Thành Đạt. Việc cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật và đến thời điểm phiên tòa mở lại chị Trần Thị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Xuân B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân B. Về con chung: Chị Trần Thị L anh Nguyễn Xuân B có một con là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/10/2007, hiện cháu Nguyễn Thành Đ do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L có thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu Đạt muốn ở với mẹ. Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

giao cho chị L được trực tiếp nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề nghị. Về tài sản chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên kiểm sát viên không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là Nguyễn Xuân B vẫn đang sinh sống, cư trú tại Số 210 P, phường Đ 1, quận H, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét chị Trần Thị L và anh Nguyễn Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh T vào tháng 12/2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh B là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố, hàng xóm nơi anh B thuê trọ đều có quan điểm cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong sinh hoạt, lối sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2012, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Việc anh B cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L, nhưng anh không đưa ra được căn cứ gì để thuyết phục chị L thay đổi quan điểm nên việc anh không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài sự ràng buộc không cần thiết. Như vậy, xét mâu thuẫn giữa chị L và anh B đã kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh B theo các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L, anh B có một con là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/10/2007. Hiện đang sinh sống cùng chị L. Trường hợp ly hôn, anh B cũng đồng ý để con sống cùng mẹ. Vậy giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thỏa thuận nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh B không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 4, Điều 147; điểm a, khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 3; điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Xuân B.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/10/2007 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: AA/2014 số 0004923 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, thành phố H. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND xã Phúc Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán -Chủ tọa Phiên tòa**
NguyễnVăn Hiếu Nguyễn Minh Hằng	**Nguyễn Ngọc Cường**

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA